TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 14/2023/HSST
Ngày: 21-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phú Ba.

2. Ông Đỗ Minh Tân.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Lâm Hoàng Huynh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu THnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hiếu Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu THnh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/HSST-QĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần Quốc M; Tên gọi khác: Long; Giới tính: Nam; Sinh năm 1995, tại tỉnh H Nam; Nơi cư trú: khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: phụ giúp gia đình; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Trần Văn Khoát, sinh năm 1971; Họ tên mẹ: Đinh Thị B, sinh năm 1976; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ hình sự ngày 19/7/2022 đến ngày 28/7/2022 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2/ Họ và tên: Nông Kiều T; Tên gọi khác: Nhi; Giới tính: Nữ; Sinh năm 2000, tại tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: tổ 4, thôn 4, xã Đăng H, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không có; Trình độ học vấn: 6/12; Họ tên cha: Nông Tâm Hải, sinh năm 1969; Họ tên mẹ: Kiều Thị THnh, sinh năm 1971; Chồng: Võ Văn Tính, sinh năm 1996, ngụ thôn 3, xã Đăng H, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước; Con: chưa có;Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ hình sự ngày 19/7/2022 đến ngày 28/7/2022 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Thị Thảo E, sinh năm 1972; trú tại: Ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

2. Huỳnh Thanh B, sinh năm 1983; trú tại: Ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3. Phạm Quốc T, sinh năm 1986; trú tại: khóm Phú Mỹ THnh, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

4. Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; trú tại: Ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

5. Lê Kim P, sinh năm 1977; trú tại: khóm Phú Mỹ THnh, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

6. Phạm Ngọc A, sinh năm 1973; trú tại: Ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

7. Trần Thị Kim Oanh, sinh năm 1964; trú tại: Ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

8. Bùi Thị Kim H, sinh năm 1978; trú tại: ấp TH Phú, xã Tân B, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

9. Lê Minh T, sinh năm 1996; trú tại: ấp Phú TH, xã Phú Long, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

10. Lê Minh Hương, sinh năm 1969; trú tại: ấp Phú Hòa, xã Tân Phú Đông, tHnh phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

11. Lạc T Hằng, sinh năm 1971; trú tại: khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

12. Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; trú tại: khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

13. Lê Minh P, sinh năm 1976; Trú tại: khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

14. Huỳnh Thị Thu Hằng, sinh năm 1974; trú tại: khóm Phú Hưng, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

15. Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1971; khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

16. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968; trú tại: Ấp 4, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

17. Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1969; trú tại: Ấp 3, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

18. Trần Thị H, sinh năm 1963; trú tại: Ấp 2, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2022, Công an thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp nhận được tin báo của bà Lạc T Hằng, sinh năm 1971, ngụ khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ bị một số đối tượng đến nH đập phá và đe dọa ép trả nợ, do trước đó bà Hằng có vay tiền lãi suất cao của các đối tượng này. Đến ngày 16/7/2022, Trần Quốc M và Nông Kiều T đến nH bà Hằng đòi tiền góp thì bị công an mời làm việc. Quá trình điều tra, xác định Trần Quốc M và Nông Kiều T sống chung như vợ chồng tại nH trọ "Như Huyền" thuộc xã Tân Phú Đông, tHnh phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do thấy hoạt động cho vay dễ thu lợi nhuận nên khoảng tháng 3/2022, M và T đã hùn tiền lại cùng nhau cho người khác vay lấy lãi suất cao hơn nhiều lần mức lãi suất do NH nước quy định. M và T tự làm tờ rơi cho vay tiền có in số điện thoại 0352.071.519 (số điện thoại M và T sử dụng chung) sau đó mang đi rãi trên các tuyến đường và khu vực chợ ở huyện Châu THnh, huyện Cao Lãnh, tHnh phố Sa Đéc thuộc tỉnh Đồng Tháp và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang để cho những người có nhu cầu vay tiền nhặt và liên lạc thỏa thuận việc vay tiền. Khi cho vay M và T yêu cầu người vay thế chấp bản chính hoặc pho to các loại giấy tờ gồm: chứng minh nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe,…. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 15/7/2022, M và T đã cho nhiều người vay tiền thu lợi bất chính tổng cộng **43.199.445 đồng**, với hai hình thức. Một là, người vay đóng lãi Hng ngày đến khi nào trả hết tiền gốc là xong (gọi là cho vay tiền đứng). Hai là, Hng ngày người vay góp tiền gốc và tiền lãi, góp trong vòng 24 ngày là xong (gọi là cho vay tiền góp), cụ thể:

Đối với hình thức cho vay tiền đứng, M và T đã cho 04 người vay, mức lãi suất dao động từ 340%/ năm đến 700%/ năm, cao gấp từ 17 đến 35 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Những người vay tiền như sau:

1/ Nguyễn Thị Thảo E, sinh năm 1972, ngụ ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vay của M và T 02 lần:

+ Lần 1: ngày 15/4/2022, vay 1.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lãi 15.000 đồng, đã đóng được 88 ngày là 1.320.000 đồng, nhưng M và T đã bớt tiền lãi 360.000 đồng, thực tế chị Thảo E đóng tiền lãi tổng cộng 960.000 đồng (lãi suất 372%/năm, cao gấp 18,6 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định quy định). Trong đó, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của bộ luật dân sự (gọi là lãi theo quy định) là 48.889 đồng và tiền lãi vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của bộ luật dân sự (gọi là lãi không hợp pháp hoặc thu lợi bất chính) là 911.111 đồng.

+ Lần 2: ngày 29/6/2022, vay 1.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lãi 20.000 đồng (lãi suất 700%/năm cao gấp 35 lần mức lãi suất cao nhất), đóng được 15 ngày là 300.000 đồng, trong đó lãi theo quy định 8.333 đồng, thu lợi bất chính 291.666 đồng.

Sau ngày 13/7/2022, chị Thảo E đã trả tiền gốc 02 lần vay được 600.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 1.400.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng tháng 4/2022, người tên Hiệp (không rõ họ tên, địa chỉ) có chuyển nợ gốc tổng cộng 7.800.000 đồng của chị Thảo E lại cho M và T. Tuy nhiên, M và T chỉ thu tiền gốc, không thu lợi bất chính với khoản tiền này nên không xE xét xử lý.

2/ Huỳnh Thanh B, sinh năm 1983, ngụ ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, vay của M và T 02 lần:

+ Lần 1: giữa tháng 4/2022 vay 1.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lãi 15.000 đồng (lãi suất 520%/năm, cao gấp 26 lần mức lãi suất cao nhất), đóng được 75 ngày là 1.125.000 đồng, trong đó lãi theo quy định 41.667 đồng, thu lợi bất chính 1.083.333 đồng.

+ Lần 2: 06/6/2022: vay 1.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lãi 15.000 đồng (lãi suất 520%/năm, cao gấp 26 lần mức lãi suất cao nhất), đóng được 30 ngày là 450.000 đồng, trong đó lãi theo quy định 16.667 đồng, thu lợi bất chính 433.333 đồng.

Hiện anh B còn nợ M và T 2.000.000 đồng tiền gốc.

3/ Phạm Quốc T, sinh năm 1986, ngụ khóm Phú Mỹ THnh, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp, vay của M và T 02 lần:

+ Lần 1: ngày 03/5/2022, vay 5.000.000 đồng, M và T thu phí 500.000 đồng (gọi là phí làm hồ sơ do M và T tự đặt ra), mỗi ngày đóng lãi 75.000 đồng (lãi suất 520%/năm, cao gấp 26 lần mức lãi suất cao nhất), đã đóng được 60 ngày là 4.500.000 đồng, trong đó lãi theo quy định 166.667 đồng, lãi không hợp pháp 4.333.333 đồng. Như vậy cộng với tiền phí thì tổng thu lợi bất chính là 4.833.333 đồng.

+ Lần 2: ngày 09/6/2022, vay 5.000.000 đồng, đóng phí 500.000 đồng, mỗi ngày đóng lãi 100.000 đồng (lãi suất 700%/năm cao gấp 35 lần mức lãi suất cao nhất), đã đóng được 30 ngày là 3.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định 83.333 đồng, lãi không hợp pháp là 2.916.666 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính là 3.416.667 đồng.

Hiện T còn nợ M và T 10.000.000 đồng tiền gốc.

4/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, ngụ ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vay của M và T 01 lần. Vào cuối tháng 4/2022, vay 2.000.000 đồng, đóng phí 100.000 đồng, mỗi ngày đóng lãi 20.000 đồng (lãi suất 340%/năm, cao gấp 17 lần mức lãi suất cao nhất), đã đóng được 60 ngày là 1.200.000 đồng, trong đó lãi theo quy định 66.667 đồng, lãi không hợp pháp là 1.133.333 đồng. Tổng tiền thu lợi bất chính là 1.233.333 đồng. Hiện chị T còn nợ tiền gốc 2.000.000 đồng.

Với hình thức cho vay tiền đứng, M và T đã thu lãi theo quy định tổng cộng là **432.222 đồng;** thu lợi bất chính (gồm lãi không hợp pháp và phí tự đặt ra) là **12.202.778 đồng.** Tổng số tiền gốc đã cho vay là **16.000.000 đồng**, trong đó tiền gốc M và T đã nhận lại từ người vay là **600.000 đồng**, số tiền gốc người vay chưa trả cho M và T là **15.400.000 đồng.**

Đối với hình thức cho vay tiền góp, M và T đã cho 16 người vay, đều trả góp trong vòng 24 ngày, mức lãi suất cố định là 280%/năm, cao gấp 14 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, những người vay tiền như sau:

1/ Lê Kim P, sinh năm 1977, ngụ khóm Phú Mỹ THnh, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: ngày 09/6/2022, vay 2.000.000 đồng, đóng phí 200.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 2.400.000 đồng, thu lãi 400.000 đồng (lãi theo quy định là 26.667 đồng, lãi không hợp pháp là 373.333 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 573.333 đồng.

+ Lần 2: ngày 30/6/2022, vay 2.000.000 đồng, đóng phí 200.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, góp được 16 ngày là 1.600.000 đồng, thu lãi 266.667 đồng, (lãi theo quy định là 17.778 đồng, lãi không hợp pháp là 248.889 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 448.889 đồng, hiện còn nợ tiền gốc của 08 ngày là 666.667 đồng.

2/ Phạm Ngọc A, sinh năm 1973, ngụ ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: ngày 06/7/2022, vay 2.000.000 đồng (không thu phí), mỗi ngày góp 100.000 đồng, đã góp được 10 ngày là 1.000.000 đồng, thu lãi 166.667 đồng, (lãi theo quy định là 11.111 đồng, thu lợi bất chính 155.556 đồng). Hiện còn nợ tiền gốc của 14 ngày là 1.166.667 đồng.

+ Lần 2: ngày 14/7/2022, vay 1.000.000 đồng (không thu phí), mỗi ngày góp 50.000 đồng, đã góp được 02 ngày là 100.000 đồng, thu lãi 16.667 đồng (lãi theo quy định 1.111 đồng, thu lợi bất chính 15.556 đồng). Hiện còn nợ tiền gốc của 22 ngày là 916.667 đồng.

Tổng tiền gốc anh A còn nợ là 2.083.333 đồng.

3/ Trần Thị Kim Oanh, sinh năm 1964, ngụ ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: khoảng cuối tháng 4/2022, vay 10.000.000 đồng, đóng phí 500.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 12.000.000 đồng, thu lãi 2.000.000 đồng (lãi theo quy định 133.333 đồng, lãi không hợp pháp 1.866.667 đồng). Tổng tiền thu lợi bất chính là 2.366.667 đồng.

+ Lần 2: ngày 20/5/2022, vay 10.000.000 đồng, đóng phí 500.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 12.000.000 đồng, thu lãi 2.000.000 đồng (lãi theo quy định 133.333 đồng, lãi không hợp pháp 1.866.667 đồng). Tổng tiền thu lợi bất chính là 2.366.667 đồng.

Hiện chị Oanh không còn nợ M và T.

4/ Huỳnh Thanh B, sinh năm 1983, ngụ ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vay tiền góp 01 lần. Ngày 07/4/2022, vay 1.000.000 đồng, đóng phí 50.000 đồng, mỗi ngày góp 50.000 đồng, đã góp được 04 ngày là 200.000 đồng, thu lãi 33.333 đồng (lãi theo quy định 2.222 đồng, lãi không hợp

pháp 31.111 đồng). Tổng tiền thu lợi bất chính là 81.111 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 20 ngày là 833.333 đồng.

5/ Bùi Thị Kim H, sinh năm 1978, ngụ ấp TH Phú, xã Tân B, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: ngày 11/6/2022, vay 10.000.000 đồng, đóng phí 1.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 12.000.000 đồng, thu lãi 2.000.000 đồng (lãi theo quy định 133.333 đồng, lãi không hợp pháp 1.866.667 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 2.866.667 đồng.

+ Lần 2: ngày 25/6/2022, vay 10.000.000 đồng, đóng phí 1.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, đã góp được 12 ngày là 6.000.000 đồng, thu lãi 1.000.000 đồng (lãi theo quy định 66.667 đồng, lãi không hợp pháp là 933.333 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 1.933.333 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 12 ngày là 5.000.000 đồng.

6/ Lê Minh T, sinh năm 1996, ngụ ấp Phú TH, xã Phú Long, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay 01 lần. Ngày 21/6/2022, vay 3.000.000 đồng, đóng phí 300.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, đã góp được 06 ngày là 900.000 đồng, thu lãi 150.000 đồng (lãi theo quy định là 10.000 đồng, lãi không hợp pháp là 140.000 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 440.000 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 18 ngày là 2.250.000 đồng.

7/ Lê Minh Hương, sinh năm 1969, ngụ ấp Phú Hòa, xã Tân Phú Đông, tHnh phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: ngày 29/6/2022, vay 4.000.000 đồng, đóng phí 400.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 4.800.000 đồng, thu lãi 800.000 đồng (lãi theo quy định 53.333 đồng, lãi không hợp pháp 746.667 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 1.146.667 đồng.

+ Lần 2: ngày 15/7/2022, vay 4.000.000 đồng, đóng phí 400.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, đã góp được 02 ngày là 400.000 đồng, thu lãi 66.667 đồng (lãi theo quy định 4.444 đồng, lãi không hợp pháp là 62.222 đồng). Tổng tiền thu lợi bất chính là 462.222 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 22 ngày là 3.666.667 đồng.

8/ Lạc T Hằng, sinh năm 1971, ngụ khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay 01 lần. Ngày 21/6/2022, vay 5.000.000 đồng, đóng phí 500.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, góp được 16 ngày là 4.000.000 đồng, thu lãi 666.667 đồng (lãi theo quy định 44.444 đồng, lãi không hợp pháp 622.222 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 1.122.222 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 08 ngày 1.666.667 đồng.

9/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, ngụ khóm Phú Mỹ Hiệp, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: ngày 21/6/2022, vay 5.000.000 đồng, đóng phí 500.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 6.000.000 đồng, thu lãi 1.000.000 đồng (lãi theo quy định là 66.667 đồng, lãi không hợp pháp là 933.333 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 1.433.333 đồng.

+ Lần 2: ngày 04/7/2022, vay 5.000.000 đồng, đóng phí 500.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, đã góp được 11 ngày là 2.750.000 đồng, thu lãi 458.333 đồng (lãi theo quy định 30.556 đồng, lãi không hợp pháp 427.778 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 927.778 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 13 ngày là 2.708.333 đồng.

10/ Phạm Quốc T, sinh năm 1986, ngụ khóm Phú Mỹ THnh, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay tiền góp 01 lần. Ngày 14/6/2022, vay 3.000.000 đồng, đóng phí 300.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng đã góp xong 24 ngày là 3.600.000 đồng, thu lãi 600.000 đồng (lãi theo quy định 40.000 đồng, lãi không hợp pháp 560.000 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 860.000 đồng.

11/ Lê Minh P, sinh năm 1976, ngụ khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: ngày 21/6/2022, vay 3.000.000 đồng, đóng phí 300.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 3.600.000 đồng, thu lãi 600.000 đồng (lãi theo quy định 40.000 đồng, lãi không hợp pháp 560.000 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 860.000 đồng.

+ Lần 2: ngày 04/7/2022, vay 4.000.000 đồng, đóng phí 400.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng đã góp được 12 ngày là 2.400.000 đồng, thu lãi 400.000 đồng (lãi theo quy định 26.667 đồng, lãi không hợp pháp 373.333 đồng). Tổng tiền thu lợi bất chính là 773.333 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 12 ngày là 2.000.000 đồng.

12/ Huỳnh Thị Thu Hằng, sinh năm 1974, ngụ khóm Phú Hưng, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: khoảng đầu tháng 4/2022, vay 8.000.000 đồng, đóng phí 400.000 đồng, mỗi ngày góp 400.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 9.600.000 đồng, thu lãi 1.600.000 đồng (lãi theo quy định 106.667 đồng, lãi không hợp pháp 1.493.333 đồng). Tổng tiền thu lợi bất chính là 1.893.333 đồng.

+ Lần 2: khoảng cuối tháng 4/2022, vay 5.000.000 đồng, đóng phí 250.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 6.000.000 đồng, thu lãi 1.000.000 đồng (lãi theo quy định 66.667 đồng, lãi không hợp pháp 933.333 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 1.183.333 đồng.

Hiện chị Hằng không còn nợ tiền của M và T.

13/ Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1971, ngụ ấp An Hưng, xã An Khánh, huyện Châu THnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: ngày 09/6/2022, vay 5.000.000 đồng, đóng phí 500.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 6.000.000 đồng, thu lãi 1.000.000 đồng (lãi theo quy định 66.667 đồng, lãi không hợp pháp 933.333 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 1.433.333 đồng.

+ Lần 2: ngày 02/7/2022, vay 2.000.000 đồng, đóng phí 200.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, đã góp được 14 ngày là 1.400.000 đồng, thu lãi 233.333 đồng (lãi theo quy định 15.556 đồng, lãi không hợp pháp 217.778 đồng). Tổng

thu lợi bất chính là 417.778 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 10 ngày là 833.333 đồng.

14/ Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968, ngụ ấp 4, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vay 02 lần:

+ Lần 1: ngày 09/6/2022, vay 3.000.000 đồng, đóng phí 150.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 3.600.000 đồng, thu lãi 600.000 đồng (lãi theo quy định 40.000 đồng, lãi không hợp pháp là 560.000 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 710.000 đồng.

+ Lần 2: ngày 02/7/2022, vay 4.000.000 đồng, đóng phí 200.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, đã góp được 15 ngày là 3.000.000 đồng, thu lãi 500.000 đồng (lãi theo quy định 33.333 đồng, lãi không hợp pháp 466.667 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 666.667 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 09 ngày là 1.500.000 đồng.

15/ Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1969, ngụ ấp 3, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vay 05 lần:

+ Lần 1: cuối tháng 4/2022, vay 2.000.000 đồng, đóng phí 100.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 2.400.000 đồng, thu lãi 400.000 đồng (lãi theo quy định 26.667 đồng, lãi không hợp pháp 373.333 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 473.333 đồng.

+ Lần 2: giữa tháng 5/2022, vay 3.000.000 đồng, đóng phí 150.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 3.600.000 đồng, thu lãi 600.000 đồng (lãi theo quy định 40.000 đồng, lãi không hợp pháp 560.000 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 710.000 đồng.

+ Lần 3: ngày 10/6/2022, vay 3.000.000 đồng, đóng phí 150.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 3.600.000 đồng, thu lãi 600.000 đồng (lãi theo quy định 40.000 đồng, lãi không hợp pháp 560.000 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 710.000 đồng.

+ Lần 4: cuối tháng 6/2022, vay 3.000.000 đồng, đóng phí 150.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 3.600.000 đồng, thu lãi 600.000 đồng (lãi theo quy định 40.000 đồng, lãi không hợp pháp 560.000 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 710.000 đồng.

+ Lần 5: ngày 02/7/2022, vay 5.000.000 đồng, đóng phí 500.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, đã góp được 14 ngày là 3.500.000 đồng, thu lãi 583.333 đồng (lãi theo quy định 38.889 đồng, lãi không hợp pháp 544.444 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 1.044.444 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 10 ngày là 2.083.333 đồng.

16/ Trần Thị H, sinh năm 1963, ngụ ấp 2, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang vay 03 lần:

+ Lần 1: ngày 21/5/2022, vay 3.000.000 đồng, phí 150.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 3.600.000 đồng, thu lãi 600.000 đồng (lãi theo quy định 40.000 đồng, lãi không hợp pháp 560.000 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 710.000 đồng.

+ Lần 2: ngày 09/6/2022, vay 5.000.000 đồng, đóng phí 250.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, đã góp xong 24 ngày là 6.000.000 đồng, thu lãi 1.000.000 đồng (lãi theo quy định 66.667 đồng, lãi không hợp pháp 933.333 đồng). Tổng thu lợi bất chính 1.183.333 đồng.

+ Lần 3: ngày 02/7/2022, vay 2.000.000 đồng, đóng phí 100.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, đã góp được 14 ngày là 1.400.000 đồng, thu lãi 233.333 đồng (lãi theo quy định 15.556 đồng, lãi không hợp pháp là 217.778 đồng). Tổng thu lợi bất chính là 317.778 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc của 10 ngày là 833.333 đồng.

Với hình thức cho vay tiền góp, M và T đã thu lãi hợp pháp tổng cộng là **1.478.333đồng;** thu lợi bất chính (gồm lãi không hợp pháp và phí tự đặt ra) là **30.996.667đồng.** Tổng số tiền gốc cho vay là **137.000.000 đồng**, trong đó, số tiền gốc M và T đã nhận lại từ người vay là **110.875.000 đồng**, số tiền gốc người vay chưa trả cho M và T là **26.125.000 đồng.**

Như vậy, khi cho vay tổng số tiền lãi theo quy định mà M và T đã nhận là **1.910.555đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **43.199.445 đồng.** Tổng số tiền gốc đã cho vay là **153.000.000 đồng**, trong đó tiền gốc M và T đã nhận lại từ người vay là **111.475.000 đồng** và tiền gốc người vay chưa trả là **41.525.000 đồng** (gồm: Thảo E 1.400.000 đồng; Huỳnh Thanh B 2.833.333 đồng; Phạm Quốc T 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng; Lê Kim P 666.667 đồng; Phạm Ngọc A 2.083.333 đồng; Bùi Thị Kim H 5.000.000 đồng; Lê Minh T 2.250.000 đồng; Lê Minh Hương 3.666.667 đồng; Lạc T Hằng 1.666.667 đồng; Nguyễn Thị L 2.708.333 đồng; Lê Minh P 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ 833.333 đồng; Nguyễn Thị Kim L 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị Bé S 2.083.333 đồng; Trần Thị H 833.333 đồng).

(Có bảng tổng hợp kèm theo).

Cơ quan Cảnh sát điều tra hiện đã tạm giữ các vật chứng như sau:

- Tạm giữ của M và T:

+ 20.000 tờ rơi có in số điện thoại 0352.071.519 do M và T tự làm để thông tin về việc cho vay tiền; 01 xe mô tô loại Airblade cùng giấy đăng ký xe biển số 66P1-635.12, đây là xe M và T dùng làm P tiện rải tờ rơi, cho vay và thu tiền cho vay. Xe mô tô là của bị cáo T mua lại ở của Hng xe "Trần Hiệp" có địa chỉ tại ấp Phú Hòa, xã Tân Phú Đông, tHnh phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 16/4/2022 với giá 29.000.000 đồng (có hợp đồng mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên);

+ 01 cây dao bằng sắt (loại dao bấm); 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu xanh, ốp lưng đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh và tiền Việt Nam 500.000 đồng của bị cáo M. 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu trắng, có nhiều vết nứt ở mặt sau của bị cáo T. Quá trình điều tra xác định các tài sản này không liên quan đến việc phạm tội.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) tên Trần Thị Kim Oanh; 01 sổ hộ khẩu tên Huỳnh Thị Vui (bản pho to); 01 giấy chứng minh nhân dân (bản chính) và 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Thị Bé S; 01 giấy chứng minh nhân dân

(bản pho to) tên Nguyễn Thị T và 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Văn Tâm; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Thị Kim L và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên Nguyễn Văn Thiều (bản chính); 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) tên Huỳnh Thị Thu Hằng và 01 sổ hộ khẩu (bản chính) tên Đặng Hữu B. Đây là các giấy tờ người vay giao cho bị cáo M và T để vay tiền.

- Tạm giữ tiền Việt Nam 2.084.000 đồng do anh Phạm Ngọc A giao nộp, đây là số tiền nợ gốc mà anh A vay của M và T.

Tại Cáo trạng số: 03/CT-VKSCT ngày 09/12/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh đã truy tố các bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh trong phần tranh luận giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị:

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" với mức án mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, đề nghị phạt bổ sung đối với 02 bị cáo, mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về áp dụng biên pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự tuyên:

- Buộc Trần Quốc M và Nông Kiều T nộp lại số tiền lãi đã thu được của người vay tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là **1.910.555 đồng** để sung ngân sách nH nước, đây là số tiền do phạm tội mà có.

- Buộc M và T nộp lại số tiền thu lợi bất chính thực tế đã nhận là **43.199.445 đồng** để trả lại cho người vay, gồm: trả cho Nguyễn Thị Thảo E 1.202.778 đồng; Huỳnh Thanh B 1.597.778 đồng; Phạm Quốc T 9.110.000 đồng; Nguyễn Thị T 1.233.333 đồng; Lê Kim P 1.022.222 đồng; Phạm Ngọc A 171.111 đồng; Trần Thị Kim Oanh 4.733.333 đồng; Bùi Thị Kim H 4.800.000 đồng; Lê Minh T 440.000 đồng; Lê Minh Hương 1.608.889 đồng; Lạc T Hằng 1.122.222 đồng; Nguyễn Thị L 2.361.111 đồng; Lê Minh P 1.633.333 đồng; Huỳnh Thị Thu Hằng 3.076.667 đồng; Nguyễn Thị Mỹ 1.851.111 đồng; Nguyễn Thị Kim L 1.376.667 đồng; Nguyễn Thị Bé S 3.647.778 đồng; Trần Thị H 2.211.111 đồng.

- Buộc M và T nộp lại số tiền gốc đã nhận lại từ người vay là **111.475.000 đồng** vì đây là P tiện phạm tội.

- Buộc những người vay nộp lại số tiền nợ gốc còn chưa trả cho M và T tổng cộng **41.525.000 đồng** để sung ngân sách nH nước, do đây là P tiện phạm tội, gồm: Nguyễn Thị Thảo E 1.400.000 đồng; Huỳnh Thanh B 2.833.333 đồng; Phạm Quốc T 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng; Lê Kim P 666.667 đồng; Phạm Ngọc A 2.083.333 đồng; Bùi Thị Kim H 5.000.000 đồng; Lê Minh T 2.250.000 đồng; Lê Minh Hương 3.666.667 đồng; Lạc T Hằng

1.666.667 đồng; Nguyễn Thị L 2.708.333 đồng; Lê Minh P 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ 833.333 đồng; Nguyễn Thị Kim L 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị Bé S 2.083.333 đồng; Trần Thị H 833.333 đồng.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

+ Tịch thu sung ngân sách nH nước: 01 xe mô tô loại Airblade cùng giấy đăng ký xe biển số 66P1-635.12 của Nông Kiều T do đây là P tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy: 20.000 tờ rơi rơi là P tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại các tài sản không liên quan đến việc phạm tội cho chủ sở hữu gồm: 01 cây dao bằng sắt (loại dao bấm) cho Trần Quốc M; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) cho chị Trần Thị Kim Oanh; 01 sổ hộ khẩu tên Huỳnh Thị Vui (bản pho to) cho anh Huỳnh Thanh B; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản chính) và 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) cho chị Nguyễn Thị Bé S; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) tên Nguyễn Thị T và 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Văn Tâm cho chị Nguyễn Thị T; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Thị Kim L và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên Nguyễn Văn Thiều (bản chính) cho chị Nguyễn Thị Kim L; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) tên Huỳnh Thị Thu Hằng và 01 sổ hộ khẩu (bản chính) tên Đặng Hữu B cho chị Huỳnh Thị Thu Hằng.

+ Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu xanh, ốp lưng đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh; tiền Việt Nam 500.000 đồng của Trần Quốc M. 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu trắng, có nhiều vết nứt ở mặt sau của Nông Kiều T và tiền Việt Nam 2.084.000 đồng của Phạm Ngọc A để bảo đảm thi Hnh án.

Lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận Hnh vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xE xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các Hnh vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu THnh; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qua điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hnh vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ được và các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án. Theo đó, M và T đã thừa nhận: trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 15/7/2022, M và T đã cho 18 người vay tiền, với mức lãi suất dao động từ 280%/ năm đến 700%/ năm, cao gấp từ 14 đến 35 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thu lợi bất chính tổng cộng 43.199.445 đồng.

Qua đó, có đủ cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 15/7/2022 trên các địa bàn: huyện Châu THnh, tHnh phố Sa Đéc, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo: Trần Quốc M và Nông Kiều T đã thực hiện Hnh vi cho 18 người vay tiền, với mức lãi suất dao động từ 280%/ năm đến 700%/ năm, cao gấp từ 14 đến 35 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thu lợi bất chính tổng cộng 43.199.445 đồng.

Hnh vi của các bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T đủ yếu tố cấu tHnh tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về Hnh vi phạm tội của mình với vai trò đồng phạm, thực Hnh tích cực.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm Hnh chính về Hnh vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, Hnh vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của NH nước, gây mất trật tự trị an ở địa P.

Hnh vi cho vay lãi nặng của các bị cáo diễn ra trong một thời gian dài, cho rất nhiều người vay tiền, thu lợi bất chính với số tiền lớn, làm cho người vay phải chịu mức lãi rất cao (hơn gấp 14 đến 35 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật). Hnh vi của các bị cáo có tính chất chuyên bóc lột, thể hiện ở việc các bị cáo cho người khác vay thường xuyên, thu giữ các giấy tờ tùy thân, quyền sở hữu tài sản của người vay tiền, mục đích để thu lãi suất rất cao, nhằm thu lợi bất chính cho các bị cáo.

[4] Hnh vi phạm tội của các bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng Hnh vi của các bị cáo thể hiện sự xE thường pháp luật, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của NH nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa P. Các bị cáo nhận tội, không tranh luận, không bào chữa. Xét thấy, phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng tính chất, Hnh vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử lý các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo tHnh công dân tốt, có ý thức chấp Hnh pháp luật, nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định

"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm Hnh nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, buộc các bị cáo nộp một khoản tiền để sung vào ngân sách NH nước.

[6] Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

[7] Về tình tiết giảm nhẹ:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo tHnh khA khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy cần áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 1.910.555 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T đã thu của người vay cần buộc các bị cáo nộp sung vào ngân sách NH nước.

- Buộc bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T hoàn trả lại cho các người vay tiền thu lợi bất chính.

- Buộc các người vay tiền nộp lại số tiền gốc đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo M và T để sung vào ngân sách NH nước.

- Buộc bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T nộp lại số tiền vốn cho vay mà các người vay đã trả trước đó cho M và T để sung ngân sách NH nước.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung ngân sách nH nước: 01 xe mô tô loại Airblade cùng giấy đăng ký xe biển số 66P1-635.12 của Nông Kiều T do đây là P tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy: 20.000 tờ rơi rơi là P tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại các tài sản không liên quan đến việc phạm tội cho chủ sở hữu gồm: 01 cây dao bằng sắt (loại dao bấm) cho Trần Quốc M; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) cho chị Trần Thị Kim Oanh; 01 sổ hộ khẩu tên Huỳnh Thị Vui (bản pho to) cho anh Huỳnh Thanh B; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản chính) và 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) cho chị Nguyễn Thị Bé S; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) tên Nguyễn Thị T và 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Văn Tâm cho chị Nguyễn Thị T; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Thị Kim L và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên Nguyễn Văn Thiều (bản chính) cho chị Nguyễn Thị Kim L; 01 giấy chứng minh nhân dân

(bản pho to) tên Huỳnh Thị Thu Hằng và 01 sổ hộ khẩu (bản chính) tên Đặng Hữu B cho chị Huỳnh Thị Thu Hằng.

+ Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu xanh, ốp lưng đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh; tiền Việt Nam 500.000 đồng của Trần Quốc M. 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu trắng, có nhiều vết nứt ở mặt sau của Nông Kiều T và tiền Việt Nam 2.084.000 đồng của Phạm Ngọc A để bảo đảm thi Hnh án.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc M mức án 02 *(hai)* năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước nhận được Quyết định thi Hnh án và bản sao bản án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/7/2022 đến ngày 28/7/2022 là 09 ngày, bị cáo Trần Quốc M còn phải chấp Hnh hình phạt cải tạo không giam giữ là 01(một) **năm 11 tháng 03 ngày.**

Giao bị cáo Trần Quốc M cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước và gia đình phối hợp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian cải tạo không giam giữ thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Quốc M.

Xử phạt: Bị cáo Nông Kiều T mức án 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đăng H, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước nhận được Quyết định thi Hnh án và bản sao bản án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/7/2022 đến ngày 28/7/2022 là 09 ngày, bị cáo Nông Kiều T còn phải chấp Hnh hình phạt cải tạo không giam giữ là **01 năm 11 tháng 03 ngày.**

Giao bị cáo Nông Kiều T cho Ủy ban nhân dân xã Đăng H, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước và gia đình phối hợp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian cải tạo không giam giữ thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nông Kiều T.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự;

Phạt bổ sung đối với 02 bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T, mỗi bị cáo 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách nH nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

- Buộc các bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T nộp lại số tiền **1.910.555 đồng** (*một triệu chín trăm mười ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng*) là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu của người vay để sung vào ngân sách NH nước.

- Buộc các bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T hoàn trả lại cho người vay tiền sau đây tiền thu lợi bất chính gồm:

1. Nguyễn Thị Thảo E 1.202.778 đồng;

2. Huỳnh Thanh B 1.597.778 đồng;

3. Phạm Quốc T 9.110.000 đồng;

4. Nguyễn Thị T 1.233.333 đồng;

5. Lê Kim P 1.022.222 đồng;

6. Phạm Ngọc A 171.111 đồng;

7. Trần Thị Kim Oanh 4.733.333 đồng;

8. Bùi Thị Kim H 4.800.000 đồng;

9. Lê Minh T 440.000 đồng;

10. Lê Minh Hương 1.608.889đồng;

11. Lạc T Hằng 1.122.222 đồng;

12. Nguyễn Thị L 2.361.111 đồng;

13. Lê Minh P 1.633.333 đồng;

14. Huỳnh Thị Thu Hằng 3.076.667 đồng;

15. Nguyễn Thị Mỹ 1.851.111 đồng;

16. Nguyễn Thị Kim L 1.376.667 đồng;

17. Nguyễn Thị Bé S 3.647.778 đồng;

18. Trần Thị H 2.211.111 đồng.

Tổng cộng: 43.199.445 đồng (*bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi lăm đồng*).

- Buộc các bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T nộp lại số tiền gốc đã nhận lại từ người vay là **111.475.000đồng** (*một trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*, vì đây là P tiện phạm tội để sung vào ngân sách nH nước.

- Buộc những người vay nộp lại số tiền nợ gốc còn chưa trả cho Trần Quốc M và Nông Kiều T để sung ngân sách nH nước, do đây là P tiện phạm tội, gồm:

1. Nguyễn Thị Thảo E 1.400.000 đồng;

2. Huỳnh Thanh B 2.833.333 đồng;

3. Phạm Quốc T 10.000.000 đồng;

4. Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng;

5. Lê Kim P 666.667 đồng;

6. Phạm Ngọc A 2.083.333 đồng (đã nộp xong);

7. Bùi Thị Kim H 5.000.000 đồng;

8. Lê Minh T 2.250.000 đồng;

9. Lê Minh Hương 3.666.667 đồng;

10. Lạc T Hằng 1.666.667 đồng;

11. Nguyễn Thị L 2.708.333 đồng;

12. Lê Minh P 2.000.000 đồng;

13. Nguyễn Thị Mỹ 833.333 đồng;

14. Nguyễn Thị Kim L 1.500.000 đồng;

15. Nguyễn Thị Bé S 2.083.333 đồng;

16. Trần Thị H 833.333 đồng.

Tổng cộng 41.525.000 đồng (*bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

+ Tịch thu sung ngân sách nH nước: 01 xe mô tô loại Airblade cùng giấy đăng ký xe biển số 66P1-635.12 của Nông Kiều T do đây là P tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy: 20.000 tờ rơi rơi là P tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại các tài sản không liên quan đến việc phạm tội cho chủ sở hữu gồm: 01 cây dao bằng sắt (loại dao bấm) cho Trần Quốc M; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) cho chị Trần Thị Kim Oanh; 01 sổ hộ khẩu tên Huỳnh Thị Vui (bản pho to) cho anh Huỳnh Thanh B; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản chính) và 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) cho chị Nguyễn Thị Bé S; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) tên Nguyễn Thị T và 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Văn Tâm cho chị Nguyễn Thị T; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (bản pho to) tên Nguyễn Thị Kim L và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên Nguyễn Văn Thiều (bản chính) cho chị Nguyễn Thị Kim L; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản pho to) tên Huỳnh Thị Thu Hằng và 01 sổ hộ khẩu (bản chính) tên Đặng Hữu B cho chị Huỳnh Thị Thu Hằng.

+ Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu xanh, ốp lưng đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh; tiền Việt Nam 500.000đ của Trần Quốc M. 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu trắng, có nhiều vết nứt ở mặt sau của Nông Kiều T và tiền Việt Nam 2.084.000đ của Phạm Ngọc A để bảo đảm thi Hnh án.

(Hiện vật chứng do Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Châu THnh đang quản lý, theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKSCT ngày 09/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần Quốc M và Nông Kiều T mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.160.000 đồng (*một triệu hai trăm mười S ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu THnh;
- CA huyện Châu THnh
- Bị cáo, người liên quan;
- THADS huyện Châu THnh;
- Sở tư pháp;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hoàng

Nơi nhận:
THẨM
- TAND tỉnh Đồng Tháp;

TÒA
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu THnh;
- CA huyện Châu THnh
- Bị cáo, bị hại;
- THADS huyện Châu THnh;
- Sở tư pháp;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thanh Hoàng